

Số: 42/NQ-HĐT-YDHP

Hải Phòng, ngày 25 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Thông qua định mức thu học phí, kinh phí các ngành đào tạo và phương án tuyển sinh năm học 2022-2023 trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị công lập;

Căn cứ Quyết định số 3944/QĐ-BYT ngày 15/9/2020 của Bộ Y tế về việc công nhận Hội đồng trường Trường đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng ban hành theo Nghị quyết định số 02/NQ-HĐT-YDHP ngày 02/02/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Căn cứ kết quả cuộc họp ngày 21/01/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng nhiệm kỳ 2020 - 2025;

Xét đề nghị của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua định mức thu học phí, kinh phí các ngành đào tạo và phương án tuyển sinh năm học 2022-2023 trường Đại học Y Dược Hải Phòng (có văn bản kèm theo)

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Các đơn vị liên quan của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng căn cứ Nghị quyết thi hành.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP HĐT; VP Đảng Ủy;
TCCB; Văn thư

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

PGS.TS. Phạm Minh Khuê

**PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
VÀ MỨC THU HỌC PHÍ NĂM HỌC 2022 – 2023**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 42/NQ-HĐT-YDHP ngày 25 tháng 1 năm 2022)

1. Về chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh

TT	Tên ngành	Chỉ tiêu	Tổ hợp xét tuyển	Phương thức xét tuyển
I	Chính quy	1140		Xét tuyển theo kết quả thi TN THPT
1	Y khoa (B)	350	Toán, Hóa, Sinh	
2	Y khoa (A)	150	Toán, Lý, Hóa	
3	Y học dự phòng	60	Toán, Hóa, Sinh	
4	Y học cổ truyền	70	Toán, Hóa, Sinh	
5	Dược học (B)	60	Toán, Hóa, Sinh	
6	Dược học (A)	60	Toán, Lý, Hóa	
7	Dược học (D)	30	Toán, Hóa, Anh	
8	Điều dưỡng	200	Toán, Hóa, Sinh	
9	Răng hàm mặt	80	Toán, Hóa, Sinh	
10	Kỹ thuật xét nghiệm y học	80	Toán, Hóa, Sinh	
II	Liên thông chính quy	150		Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 bậc THPT
1	Y khoa (TC-ĐH)	120	1. Toán, Hóa, Sinh 2. Toán, Lý, Hóa	
2	Dược học (CĐ-ĐH)	30	Toán, Lý, Hóa	

III	Liên thông VLVH	539		Xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12 bậc THPT + điểm TBC toàn khóa bậc cao đẳng
1	Điều dưỡng (CĐ-ĐH)	439	Toán, Hóa, Sinh + Điểm TBC bậc cao đẳng	
2	Kỹ thuật xét nghiệm y học (CĐ-ĐH)	100	Toán, Hóa, Sinh + Điểm TBC bậc cao đẳng	

2. Về học phí

2.1. Học phí đối với đào tạo đại học:

2.1.1. Đối với hệ chính quy và liên thông chính quy:

Đơn vị: đồng/tháng

STT	Ngành	Mức thu học phí năm học 2022-2023
1	Y khoa	2.450.000
2	Răng Hàm Mặt	2.450.000
3	Y học dự phòng	2.200.000
4	Y học cổ truyền	2.200.000
5	Dược học	2.450.000
6	Điều dưỡng	1.850.000
7	Xét nghiệm y học	1.850.000

2.1.2. Đối với hệ liên thông vừa làm vừa học: mức học phí tối đa bằng 150% mức thu học phí hệ đào tạo chính quy tương ứng.

2.2. Học phí đối với đào tạo sau đại học:

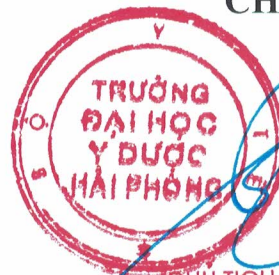
2.2.1. Mức trần giá dịch vụ đào tạo thạc sĩ, đào tạo tiến sĩ được xác định bằng mức trần giá dịch vụ đào tạo đại học, cụ thể như sau:

- Nhân hệ số 1,5 đối với đào tạo thạc sĩ và tương đương;

- Nhân hệ số 2,5 đối với đào tạo tiến sĩ và tương đương, tương ứng đối với từng khối ngành đào tạo của từng năm học.

2.2.2. Các phương án và mức học phí được xây dựng cho năm 2022-2023 sẽ được áp dụng ngay sau khi Hội đồng trường phê duyệt. Các phương án và mức học phí từ năm học 2023 đến năm học 2027 là mức dự kiến và sẽ được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
PGS.TS. *Phạm Minh Khuê*

